

Bản án số: 08/2020/HSST

Ngày: 13/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Triệu Phúc Vượng.

2. Ông: Trương Văn Cần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Kim Văn C- sinh năm 1994, tại huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Bố đẻ: Không xác định được, bố dượng: Bùi Thanh H, sinh năm 1964, mẹ đẻ: Kim Thị T, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 126/2013/HSST ngày 08/8/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 19/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Kim Văn C 24 tháng tù. Hiện đều đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2019, đến ngày 24/10/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu 1, thị trấn T và bỏ trốn đến ngày 23/01/2020 bị

bắt và bị khởi tố bị can vì tội danh khác. Hiện đang được tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tân Uyên đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Tống Thị L- sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Kim Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Anh Hà Như M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/10/2019, Kim Văn C, sinh năm 1994 trú tại khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LIFAN (kiểu xe Honda Dream) biển kiểm soát 25AA- 013.91 của bà Kim Thị T, chở theo 01 can nhựa màu trắng loại 10 lít có đựng xăng để đi cắt chè. Khi C đi qua nhà anh Trần Văn H trú cùng khu để rủ H đi làm cùng nhưng H không có nhà mà chỉ gặp mẹ H là bà Trần Thị H. Sau đó C đứng ở sân nhà bà H xem điện thoại, xem được một lúc thì C thấy bà H đi sang nhà hàng xóm bên cạnh, C quan sát thấy ở sân nhà bà H có dựng 01 chiếc xe mô tô, loại xe tay ga nhãn hiệu HONDA AIRBLADE biển kiểm soát 25U1- 043.04 của chị Tống Thị L là hàng xóm bà H. C quan sát thấy chiếc xe không đóng yên và xung quanh không có ai, C nảy sinh ý định mở chiếc cốp xe để tìm tài sản trộm cắp. C tiến lại gần chiếc xe mô tô rồi dùng tay trái nhấc yên xe lên thấy trong cốp xe có 01 túi xách bằng da, C lấy chiếc túi trong cốp xe ra và hạ yên xe xuống, không đóng khóa yên, sau đó lấy chiếc túi cho vào giá đèo hàng xe mô tô của mình rồi đặt can xăng lên trên và điều khiển xe máy đi về hướng trung tâm thị trấn Tân Uyên, khi đến gần công trường thuộc khu 3, thị trấn Tân Uyên, C dừng xe ở lề đường quốc lộ 32 và ngồi trên xe dùng tay kéo khóa túi để kiểm tra thì thấy trong túi có nhiều loại tiền với nhiều mệnh giá khác nhau và một số giấy tờ cá nhân mang tên Tống Thị L và Hà Như M, C lấy toàn bộ số tiền trong túi xách cho vào túi quần đang mặc bên phải và đi tiếp khoảng 200m thì rút chiếc túi và toàn bộ giấy tờ trong túi vào thùng rác ven đường rồi tiếp tục đi cắt chè.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày C lấy toàn bộ số tiền đã trộm cắp ra đếm được 10.600.000đ (*mười triệu sáu trăm nghìn đồng*). Sau đó C điều khiển xe mô tô đi đến khu 26 thị trấn Tân Uyên để ghi lô tô tại bàn ghi của ông Nguyễn Văn T hết hơn 1.000.000đ và bà Nguyễn Thị L hết 1.000.000đ, thay sẫm tại cửa hàng sửa chữa mô tô Linh P hết 70.000đ rồi tiếp tục đi cắt chè. Đến hơn 18 giờ cùng ngày C xem kết quả vé số nhưng không trúng. C tiếp tục dùng số tiền 950.000đ để trả tiền mua dây thắt lưng. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày C đi chơi và đổ xăng tại cây xăng số 8 thị trấn Tân Uyên hết 50.000đ, sau đó đi uống nước và gặp người tên T không rõ nhân thân lai lịch và trả nợ cho T 2.500.000đ do C đã vay từ trước. C tiếp tục đi lên đồi chè thuộc khu 21, thị trấn Tân Uyên để đánh bạc với khoảng 7- 8 người đàn ông (không rõ lai lịch) bằng hình thức đánh Liêng và thua hết 3.300.000đ, sau đó C đi về khu 26 thị trấn Tân Uyên và gặp 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) C mua sâm với người phụ nữ này với giá 500.000đ và thuê phòng tại nhà nghỉ T, thuộc khu 26, thị trấn Tân Uyên, tất cả hết 870.000đ. Đến ngày 15/10/2019 do hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện nên C đã đến cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 610.000đ còn lại do trộm cắp được mà có.

Tại bản kết luận giám định số 475/KL- KLGD-TL ngày 30/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 03 tờ tiền VNĐ gồm, 01 tờ mệnh giá 500.000đ có mã số hiệu: RQ 16787351; 01 tờ mệnh giá 100.000đ có mã số hiệu: SG 16488950; 01 tờ mệnh giá 10.000đ có mã số hiệu: GJ 18166785 gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 06/CT- VKS- TU ngày 18/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên đã truy tố Kim Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên Tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Kim Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và không tranh luận gì. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Như M có đơn xin vắng mặt và không đề nghị gì, bà Kim Thị T không tranh luận, đề nghị gì.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Tân Uyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, đơn trình báo, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/10/2019 tại sân nhà bà Trần Thị H, trú tại khu 6, thị trấn T, huyện Tân Uyên, Kim Văn C đã thực hiện hành vi mở cốp xe mô tô của chị Tống Thị L lấy 01 túi xách bên trong có hơn 10.600.000đ và một số giấy tờ cá nhân, mang đi tiêu sái cá nhân. Hành vi phạm tội của Kim Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, làm ảnh hưởng tới trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Uyên đầu thú, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đủ số tiền trộm cắp cho bị hại và mức thiệt hại về tài sản không lớn, bị hại có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét cần cho bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương, cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Nhưng xét về nhân thân bị cáo: Bị cáo đã có 02 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Tại bản án hình sự sơ thẩm số

126/2013/HSST ngày 08/8/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Kim Văn C 01 năm 06 tháng tù. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST ngày 19/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Kim Văn C 24 tháng tù, hiện đều đã được xóa án tích. Vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Do đó mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị là hoàn toàn phù hợp.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo thì bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ số tiền đã mất, có đơn xin vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Anh Hà Như M có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu gì, bà Kim Thị T không yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN kiểu dáng Honda Dream biển kiểm soát 25AA-013.91 bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp. Quá trình điều tra xác minh chiếc xe trên là của bà Kim Thị T, bị cáo lấy để đi cắt chè. Ngày 13/11/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử cần chấp nhận và không đề cập giải quyết.

- Đối với chiếc túi xách (*loại túi ví nữ*) và một số giấy tờ cá nhân của chị Tống Thị L, anh Hà Văn M (chồng chị L) quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy tìm nhưng không thấy. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền 610.000đ còn lại do trộm cắp mà có, quá trình ra đầu thú bị cáo đã giao nộp cho Công an. Bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 10.610.000đ cho bị hại nên cần trả lại số tiền này cho bị cáo.

- Đối với 01 dây thắt lưng chất liệu da tổng hợp, có hai mặt màu nâu đen, mặt thắt lưng được làm bằng kim loại màu xám có dập nổi chữ và số G 3215, đã qua sử dụng, bị cáo đã dùng tiền trộm cắp để mua, nhưng bị cáo đã trả lại đủ số tiền cho bị hại nên cần trả lại cho bị cáo Kim Văn C khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Bị cáo khai đã dùng số tiền hơn 2.000.000đ để mua các số lô tô của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L. Quá trình điều tra, tại các bảng kê và tại biên bản lấy lời khai của ông T và bà L thì không có các số đề, số tiền như bị cáo đã khai, do vậy cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với số tiền bị cáo khai đã trả cho người tên T ở bản N, thị trấn T. Quá trình điều tra đã xác minh tại Công an thị trấn Tân Uyên, không có người tên T trú tại bản N, thị trấn T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, nên không có căn cứ để điều tra xử lý đối với T. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Đối với số tiền 3.300.000đ bị cáo khai đã dùng để đánh bạc, quá trình điều tra không xác định được các đối tượng đã đánh bạc cùng với bị cáo nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý bị cáo về tội đánh bạc.

- Đối với số tiền 870.000đ bị cáo dùng để mua dâm và trả tiền phòng nghỉ, quá trình điều tra cũng không xác định được người phụ nữ nên không có căn cứ để xử lý hành vi mua dâm của bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kim Văn C 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày, từ ngày 15/10/2019 đến ngày 24/10/2019. Thời hạn tù còn lại 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù, tính từ ngày 23/01/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Kim Văn C 01 dây thắt lưng có tổng chiều dài 115cm, bề ngang 3,5cm, bề dày 0,2cm, chất liệu da tổng hợp, có hai mặt màu nâu đen, mặt thắt lưng được làm bằng kim loại màu xám có dập nổi số G3215, đã qua sử dụng và số tiền 610.000đ (sáu trăm mười nghìn đồng).

(Vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện Tân Uyên và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Uyên ngày 06/01/2020).

- Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 13/02/2020. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu (01);
- VKS ND tỉnh Lai Châu (01);
- Sở Tư pháp Lai Châu (01);
- VKSND huyện Tân Uyên (01);
- Công an huyện + THAHS (03);
- THADS huyện (01);
- Bị hại, người CQLNVLQ (03);
- Bị cáo (01);
- Lưu HSYA (01);
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình